

Số: 2535/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Quảng Ninh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1354/TTr-LĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Ủy ban nhân dân Tỉnh giao:

1. Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội căn cứ danh mục TTHC đã được công bố, cung cấp nội dung thủ tục hành chính cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và UBND cấp huyện; Phối hợp với Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết thủ tục hành chính chi tiết, đảm bảo cắt giảm thời gian đáp ứng yêu cầu theo chỉ đạo của UBND tỉnh và tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội được công bố tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ky*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Cục KSTTHC, Văn phòng CP; } báo
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; } cáo
- CT, P1 UBND tỉnh;
- V0, V1, KSTT1-4;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KSTT4.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*ky*  
**Đặng Huy Hậu**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: 2535/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh)



STT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả
<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - BHXH (05 TTHC)</b>							
1	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	19 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;	Không	Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 Bộ luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.	X	X
2	Thủ tục gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	19 ngày làm việc				X	X
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	19 ngày làm việc				X	X
4	Thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	12 ngày làm việc				X	X
5	Thủ tục rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	07 ngày làm việc				X	X

\* Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 636/QĐ-LĐTĐ ngày 05/5/2019 "V/v công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội".

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số: 2535/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh)*



STT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích			
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả		
<b>A</b>	<b>DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>								
	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (2 TTHC)</b>								
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	X	X		
2	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	10 ngày làm việc				X	X		
<b>B</b>	<b>DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>								
	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>								
1	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc,	28 ngày làm việc (không kể thời gian	Bộ phận cửa sổ cấp xã;	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối	X	X		

	nuôi dưỡng hàng tháng	đi chuyển hồ sơ)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện		với đối tượng bảo trợ xã hội; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;		
2	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	6 ngày làm việc (không kể thời gian đi chuyển hồ sơ)	Bộ phận một cửa cấp xã; Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không		X	X
3	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc đối với hồ sơ ở nơi cũ; 8 ngày làm việc đối với hồ sơ tại nơi mới (không kể thời gian đi chuyển hồ sơ)	Bộ phận một cửa cấp xã; Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện		X	X	
4	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội.	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện		X	X	
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành		X	X	

	động, Thương binh và Xã hội		chính công cấp huyện				
<b>C</b>	<b>DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ</b>						
	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>						
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012;</li> <li>- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.</li> </ul>	X	X
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 ngày làm việc				X	X
3	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	7 ngày làm việc				X	X
4	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	7 ngày làm việc				X	X

*\* Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - TB&XH về việc công bố TTHC thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - TB&XH: Quyết định số 1789/QĐ -LĐTBXH ngày 13/12/2018; Quyết định số 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2018; Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2019.*

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỦY BỎ, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Kèm theo Quyết định số: 2535/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh)*



STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội (02 TTHC)</b>		
1	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.	
2	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)		

*\* Căn cứ các Quyết định số 1789/QĐ –LĐTBXH ngày 13/12/2018 Về việc công bố phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*